



NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. CƠ SỞ CỦA VIỆC BIÊN SOẠN SÁCH GIÁO KHOA

Sách giáo khoa (SGK) môn Ngữ văn lớp 6, bộ Chân trời sáng tạo (NXBGD Việt Nam) được biên soạn dựa trên các cơ sở sau:

1.1. Các nghị quyết, thông tư, chương trình

– Định hướng đổi mới giáo dục phổ thông được thể hiện qua Nghị quyết 88 về đổi mới chương trình và SGK phổ thông của Quốc hội và qua chương trình giáo dục phổ thông mới, gồm Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn (Bộ GD&ĐT, 2018) với trọng tâm là chuyển từ giáo dục chú trọng truyền thụ kiến thức sang giúp cho học sinh (HS) hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực.

– Bám sát các tiêu chuẩn SGK mới ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017 ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD & ĐT, Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT Ban hành CTGDPT mới.

1.2. Các quan điểm giáo dục hiện đại

1.2.1. Các lí thuyết học tập

SGK *Ngữ văn 6* được biên soạn dựa trên các lí thuyết học tập: học thông qua quan sát, trải nghiệm, tương tác; từ đó, người học tự kiến tạo kiến thức cho bản thân.

Đa số hành vi của con người được hình thành thông qua quan sát hành vi do người khác thực hiện. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học (Bandura, 1977).

Học tập là quá trình mỗi cá nhân tự kiến tạo kiến thức (Vygotski, 1978) thông qua: trải nghiệm, tương tác xã hội, quá trình tự điều chỉnh.

Việc học mang tính cá nhân và chỉ có kết quả khi người học tham gia tích cực vào quá trình khám phá tri thức mới dựa trên những trải nghiệm, từ đó thay đổi và cá nhân hoá những kiến thức và kĩ năng đã có dựa trên kiến thức nền và tình huống cụ thể.

Học tập còn là một hoạt động tương tác diễn ra trong một bối cảnh cụ thể. Đó là sự tương tác đa chiều giữa người dạy với người học, giữa người học với người học và giữa người học với môi trường xã hội. Thông qua các tương tác đó, HS học được kiến thức, kĩ năng (tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo) và xây dựng cho mình niềm tin và giá trị sống.

Học thông qua trải nghiệm (Kolb, 1984) là cách học mà người học tham gia trải nghiệm thực tế có mục đích và suy ngẫm, chiêm nghiệm về những gì đã trải nghiệm để từ đó tăng cường kiến thức, phát triển các kỹ năng; là tiến trình mà người học xây dựng kiến thức và ý nghĩa của kiến thức từ trải nghiệm thực tiễn.

Thực hiện quan điểm trên, sách *Ngữ văn 6* thiết kế các hoạt động học tập tạo cho HS cơ hội trải nghiệm việc đọc, viết, nói và nghe xung quanh những chủ điểm phù hợp với lứa tuổi của các em, qua đó, HS kiến tạo tri thức cho bản thân, hướng đến việc hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù mà chương trình yêu cầu. HS cũng có cơ hội tự kiểm soát và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân thông qua việc thực hiện các bảng kiểm kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà sách đã thiết kế.

1.2.2. Các quan điểm hiện đại về dạy đọc, viết, nói và nghe

1.2.2.1. Đọc hiểu văn bản

Lí thuyết đọc hiểu hiện đại coi đọc là quá trình gồm ba giai đoạn, trước, trong và sau khi đọc, là quá trình tương tác giữa người đọc với văn bản (VB), giữa người đọc với người đọc (Rosenblatt, 1980; Langer, 1992; Trần Đình Sử, 2001) trong một bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội cụ thể; là quá trình người đọc giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Mỗi người đọc ở mỗi lứa tuổi, thời điểm, bối cảnh xã hội khác nhau có những cách hiểu khác nhau về VB. Điều này góp phần làm nên sức sống của VB qua các thời đại.

Trong quá trình đọc, người đọc sử dụng các kỹ năng đọc như dự đoán, liên hệ, đọc lướt, tưởng tượng, suy luận, tóm tắt, khái quát hoá, đánh giá,... để tham gia vào VB, đem kiến thức nền của mình vào giải mã và kiến tạo nghĩa cho VB. Đó là vai trò đồng kiến tạo nội dung VB chứ không phải là tiếp nhận một chiều.

Xuất phát từ quan điểm trên, sách *Ngữ văn 6* thiết kế các câu hỏi hướng dẫn HS trong ba giai đoạn: trước khi đọc (chuẩn bị đọc), trong khi đọc (trải nghiệm cùng VB) và sau khi đọc (suy ngẫm và phản hồi). Các câu hỏi chuẩn bị đọc có tác dụng kích hoạt kiến thức nền, huy động vốn sống và trải nghiệm đã có, đồng thời kích thích sự tò mò, hứng thú của HS. Các câu hỏi trải nghiệm cùng VB như suy luận, tưởng tượng, dự đoán,... được sử dụng để gợi ý, hướng dẫn HS tìm hiểu, khám phá những chi tiết, hình ảnh quan trọng ngay trong quá trình đọc VB, giúp cho quá trình đọc diễn ra hiệu quả hơn. Các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi gồm: đọc hiểu nội dung; đọc hiểu hình thức; liên hệ, đánh giá, vận dụng nhằm giúp HS đạt các yêu cầu cần đạt về kỹ năng đọc được quy định trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018. Điểm nhấn quan trọng trong hướng dẫn đọc hiểu của nhóm câu hỏi này là giúp HS phát triển kỹ năng đọc theo đặc trưng của từng loại VB.

1.2.2.2. Viết

Có hai cách tiếp cận hiện đại đối với dạy viết, đó là: dạy dựa trên đặc điểm kiểu VB và dạy dựa trên tiến trình.

Các nhà nghiên cứu như Swales (1990), Martin (1984) coi kiểu VB như một kiểu giao tiếp xã hội, thể hiện những nguyên tắc giao tiếp, đặc điểm văn hoá của một cộng đồng được các thành viên trong cộng đồng chấp nhận. Mỗi kiểu VB đều có những mục tiêu giao tiếp nhất định, những yêu cầu cụ thể về giọng điệu, ngôn từ,... Nghĩa là mỗi kiểu VB đòi hỏi người viết phải có những kiến thức và kỹ năng khác nhau. Quan điểm trên đã chi phối cách thiết kế hoạt động dạy tạo lập VB trong SGK *Ngữ văn 6*, đó là hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích cấu trúc, đặc điểm kiểu của VB mẫu để học cách tạo lập VB cùng kiểu.

Nhiều nhà nghiên cứu, trong đó có Flower & Hayes (1981) đã chỉ ra rằng tạo lập VB là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm. Tiến trình tạo lập VB trải qua ba giai đoạn với nhiều bước: giai đoạn trước khi viết (xác định mục đích viết, người đọc, nảy sinh ý tưởng, tìm thông tin, lập dàn ý), giai đoạn viết và giai đoạn sau khi viết (đọc lại, chỉnh sửa, biên tập và công bố). Viết, thực sự là quá trình tư duy, quá trình tương tác với người đọc trong một bối cảnh cụ thể. Dựa trên quan điểm trên, *Ngữ văn 6* đã thiết kế các hoạt động hướng dẫn HS trong suốt tiến trình tạo lập VB với bốn bước: chuẩn bị trước khi viết; tìm ý, lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Qua các bước này, HS học cách giao tiếp bằng hình thức viết theo đặc điểm kiểu loại, đồng thời phát triển năng lực tư duy và khả năng kiểm soát quá trình viết của bản thân.

1.2.2.3. Nói và nghe

Nói là một trong những cách thể hiện ý tưởng để giao tiếp với người khác. Nghe là một trong những cách tiếp nhận thông tin để hiểu người khác. Sự tương tác trong quá trình nói – nghe giúp người nói và người nghe trao đổi thông tin, ý tưởng bằng lời nói và cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để hiểu nhau hơn.

Lý thuyết giao tiếp cho thấy một cuộc hội thoại thông thường luôn có sự đổi vai giữa người nói và người nghe. Vì vậy, không thể dạy kỹ năng nói tách rời kỹ năng nghe. Đồng thời để duy trì quá trình giao tiếp thì giữa người nói và người nghe cần có sự tương tác liên tục. Do đó, việc dạy kỹ năng nói phải được dạy kết hợp với kỹ năng nghe và nói – nghe tương tác.

Brown, K. L. (1981) trong công trình nghiên cứu *Teaching Speaking and Listening Skills in the Elementary and Secondary School* đã cho rằng kỹ năng nói và nghe không chỉ được tạo nên từ sự hiểu biết về các đơn vị ngữ pháp và vốn từ phong phú mà đó là một tập hợp cấu trúc gồm các yếu tố: sự hiểu biết về các phương tiện ngôn ngữ, các hành vi, cử chỉ phi ngôn ngữ; độ nhạy bén trong từng hoàn cảnh giao tiếp (thể hiện qua khả năng nhập vai để hiểu người nghe/ nói, tạo thông điệp ứng với từng hoàn cảnh và phản ứng với những phản hồi của người nghe/ nói). Do đó, bên cạnh việc được hướng dẫn để chiếm lĩnh các kiến thức về ngôn ngữ học, Việt ngữ học thì người học cũng cần được rèn luyện để hình thành các kỹ năng liên quan đến việc phân tích, xử lý các nhân tố của hoàn cảnh giao tiếp để lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ sao cho hiệu quả.

Dựa vào quan điểm trên, *Ngữ văn 6* thiết kế nhiều hoạt động hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động nói, trình bày về một đề tài qua bốn bước: xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói; tìm ý, lập dàn ý; luyện nói; luyện tập và trình bày; trao đổi và đánh giá (trong vai trò người nói, người nghe). Qua các hoạt động này, HS không chỉ được hình thành kỹ năng giao tiếp, hợp tác mà còn phát triển năng lực tư duy, khả năng tự kiểm soát hành vi, nhận thức, thái độ của bản thân trong quá trình giao tiếp.

1.2.3. Tích hợp

Tích hợp là một cách tiếp cận giáo dục hiện đại, đã được thực hiện ở nhiều nước trên thế giới đồng thời là cũng cách tiếp cận của CTGDPT 2018. Một chương trình có tính tích hợp là chương trình tạo cơ hội cho người học vận dụng tổng hợp các kiến thức, kỹ năng từ các môn học và từ thực tế cuộc sống vào giải quyết một vấn đề (Fogarty R., 1991; Davies A., Politano C., & Cameron C., 1993). Điều này có nghĩa là HS sẽ được phát triển kỹ năng chuyển hoá những gì đã được học vào những bối cảnh giao tiếp cụ thể, giúp bộ não phát triển tốt hơn, giúp người học có kỹ năng giải quyết vấn đề của thực tế linh hoạt và hiệu quả hơn.